

Bản án số: 228/2022/HS-PT
Ngày 20-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 120/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Phan Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo Phan Văn T và bị hại Nguyễn Thị Ngọc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2022/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: Phan Văn T, sinh năm 2003 tại tỉnh An Giang; địa chỉ thường trú: ấp B, xã Bình Mỹ, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: học sửa xe; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Sanh, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Loan, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo: bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy, sinh năm 1994; thường trú tại: ấp Tân Thuận, xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2011, Phan Văn T bắt đầu đến sinh sống và tạm trú tại nhà trọ Thành Đạt, cạnh đường D7, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương học nghề sửa xe. Khoảng 02 giờ sáng ngày 05/10/2021, T đi bộ đến đoạn

đường D5, thuộc khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương với mục đích bắt trộm vịt về làm thịt nhưng do chủ nuôi vịt còn thức nên T đi về. Khi đi ngang qua nhà trọ Trần Thị T, cạnh đường D6, thuộc khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, T thấy cửa kéo căn ki-ốt của bà Nguyễn Thị Ngọc T khép hờ nên nảy sinh ý định đột nhập lấy trộm tài sản. T đi lại dùng tay đẩy cánh cửa kéo của ki-ốt vào trong thì thấy bà T đang nằm ngủ trên võng, dưới nền nhà sát bên chỗ bà T nằm có 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart, màu đen đang cắm sạc, trên kệ gỗ gần đó có 01 ví da màu đen. T lén lút đi lại lấy điện thoại cùng chiếc ví da rồi đem ra cửa sau của ki-ốt lục tìm tài sản bên trong ví thì thấy có 01 (một) chứng minh nhân dân, 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Ngọc T, 01 (một) hợp đồng thế chấp tài sản của Dịch vụ cầm đồ Đại Tín và 02 (hai) thẻ ATM. T lấy toàn bộ giấy tờ bỏ vào trong túi quần rồi đi bộ về phòng trọ ngủ. Đến khoảng 06 giờ 45 phút cùng ngày, T thức dậy lấy hợp đồng thế chấp tài sản của Dịch vụ cầm đồ Đại Tín ra xem thì thấy trên giấy có ghi số điện thoại 0945735306 của bà T. T đem những giấy tờ lấy trộm được bỏ vào trong lớp khẩu trang y tế màu xám rồi để trên kệ gỗ ngay trụ điện phía sau Cửa hàng xe máy Mai Phương T cạnh đường N1-D7 cất giấu. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, T lấy điện thoại trộm được gọi vào số 0945735306 thì bà T nghe máy trả lời nhưng T liền tắt máy và nhắn tin qua điện thoại yêu cầu bà T đưa cho T số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) thì sẽ trả lại giấy tờ cho bà T. Sau đó, T liên tục điện thoại đe dọa yêu cầu bà T mang tiền đến chuộc nếu không sẽ đốt hết giấy tờ của bà T. Do sợ bị T đốt hết giấy tờ của mình nên bà T đồng ý giao tiền. T hẹn bà T tại cổng hàng rào thông với đường N1-D7 gần phòng trọ của T để giao tiền. Bà T đồng ý và chuẩn bị 2.000.000 đồng tiền mặt cho T, đồng thời bà T báo cho Công an phường M biết. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T ra đứng trước nhà trọ để quan sát nhưng không thấy bà T nên gọi điện lại hỏi bà mặc áo màu gì thì bà Thúy nói mặc áo màu cam. Lúc này, Tánh quan sát thấy bà Thúy đi một mình nên kêu bà T ném tiền qua hàng rào và chỉ bà Thúy đến trước tiệm sửa xe Mai Phương T để lấy lại giấy tờ. Khi T vừa cầm lấy số tiền 2.000.000 đồng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart, màu xanh đen; số tiền mặt 2.000.000 đồng; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc T; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Ngọc T; 01 hợp đồng thế chấp tài sản của Dịch vụ cầm đồ Đại Tín; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Dong A Bank, số thẻ: 9704061406873598; 01 thẻ ATM của Ngân hàng TP Bank, số thẻ: 9704237775269994.

Theo Kết luận định giá số 117/KL-HĐĐGTS ngày 25/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát, kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart, màu xanh đen bị chiếm đoạt trị giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

Ngày 13/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý vật chứng giao trả: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart, màu xanh đen; số tiền mặt 2.000.000 đồng; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Thị Ngọc T; 01 hợp đồng thế chấp tài sản của dịch vụ cầm đồ Đại Tín; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Dong A Bank, số thẻ: 9704061406873598 và 01 thẻ

ATM của Ngân hàng TP Bank, số thẻ: 9704237775269994 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T. Bà T nhận lại tài sản và không yêu cầu giải quyết gì thêm.

Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Phan Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 35/CT-VKSBC ngày 14/02/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phan Văn T về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2022/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29/3/2023, bị cáo Phan Văn T làm đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Cùng ngày bị hại Nguyễn Thị Ngọc T làm đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Phan Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo và bị hại kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới, hành vi của bị cáo có sự chuẩn bị kế hoạch trước, rất thủ đoạn và tinh vi, dẫn dắt bị hại qua nhiều nơi để tránh bị phát hiện, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và có ý kiến tranh luận.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Phan Văn T nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Văn T và bị hại Nguyễn Thị Ngọc T được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: trong khoảng thời gian từ 10 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút ngày 05/10/2021, tại khu vực khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, Phan Văn T đã có hành vi nhấn tin và gọi điện thoại đe dọa yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T phải đưa số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho T để chuộc lại giấy tờ tùy thân (mà T đã lấy trộm được trước đó cùng với chiếc điện thoại di động hiệu Vsmart) nếu không thì T sẽ đốt toàn bộ số giấy tờ tùy thân này. Do sợ bị đốt giấy tờ của mình nên bà T đồng ý đưa tiền. Khi Tánh vừa nhận số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) từ bà T thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Hành vi uy hiếp tinh thần của bị hại nhằm chiếm đoạt của bị hại 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) do bị cáo T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh, khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phan Văn T và kháng cáo đề nghị cho bị cáo T được hưởng án treo của bị hại Nguyễn Thị Ngọc T, xét thấy: bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gì mới, xét bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có sự chuẩn bị kế hoạch trước, thủ đoạn và tinh vi, dẫn dắt bị hại qua nhiều nơi để tránh bị phát hiện. Đối với hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là điện thoại cùng chiếc ví da (bên trong ví có 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Ngọc T; 01 hợp đồng thế chấp tài sản của Dịch vụ cầm đồ Đại Tín và 02 thẻ ATM) chưa đủ định lượng xử lý hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý. Xét tính chất, mức độ tội phạm do bị cáo thực hiện xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để học tập, cải tạo bị cáo trở thành người sống có ích cho gia đình và xã hội nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của bị cáo và bị hại không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Văn T và bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2022/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương về hình phạt.

1. Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã B (02);
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an thị xã B;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: Văn phòng (2), hồ sơ vụ án, LTH, 13.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Quân Vương